Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu.

Thi công Gói thầu số 22: Thi công xây lắp tuyến đường từ nút giao Quốc lộ 3 cũ đến cầu vượt sông Ngũ Huyện Khê thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường kết nối cầu Tứ Liên từ nút giao đường dẫn cầu Tứ Liên với đường Trường Sa đến đường cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên, cụ thể:

- Phạm vi thi công: Km7+380 - Km9+060 (L=1680m); Gồm các hạng mục như sau:
- Thi công tuyến: đường đô thị quy mô B= 60m, theo tiêu chuẩn Quy chuẩn QCVN 07:2023/BXD; Tốc độ thiết kế: 80 km/h. Tải trọng trục xe tính toán tiêu chuẩn thiết kế đường: Trục xe 10T; Tải trọng thiết kế cống và công trình: HL93; Kết cấu áo đường mềm, mô đun đàn hồi yêu cầu Eyc ≥ 190 MPa.
- Thi công nền đường: Lớp đáy áo đường đắp cát đen đầm chặt đạt K ≥ 0,98 dày 30 cm (bố trí 01 lớp vải địa kỹ thuật ngăn cách có cường độ 12 kN trên đỉnh lớp đáy áo đường để ngăn cách với lớp cấp phối đá dăm loại II); nền đắp phía dưới bằng cát đen đầm chặt K ≥ 0,95; Phạm vi vỉa hè, taluy đắp bằng đất tận dụng đầm chặt K ≥ 0,90
- Thi công mặt đường: Thiết kế mặt đường cấp cao A1 bằng bê tông nhựa, cường độ mặt đường Eyc ≥ 190 MPa (theo TCCS 38:2022/TCĐBVN), tải trọng thiết kế 100KN, kết cấu cụ thể như sau: 5 cm bê tông nhựa chặt 16; Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5 kg/m2; 7 cm bê tông nhựa chặt 19; Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m2; 44 cm móng cấp phối đá dăm loại I (kích cỡ 0/25); 54 cm móng cấp phối đá dăm loại II (kích cỡ 0/37,5).
- Thi công hè: 6 cm gạch block; 5 cm lớp cát vàng đệm; 10 cm cát vàng gia cố xi măng 8%.
- Thi công bó vỉa: Bó vỉa vát bằng bê tông xi măng 22,5 MPa kích thước 35 x 23 x 100 cm trên các đoạn đường thẳng, kích thước 35 x 23 x 25 cm trên các đoạn đường cong. Bó vỉa dải phân cách bằng bê tông xi măng 22,5 MPa kích thước 16 x 53 x 100 cm. Đan rãnh dùng tấm đan bằng BTXM 22,5 MPa dày 6 cm kích thước 30 x 50 cm.
- Thi công bó gáy hè: Kết cấu bó hè sử dụng gạch chỉ đặc, xây vữa xi măng M5 đặt trên lớp bê tông xi măng 12,5 MPa đá 2 x 4.
- Thi công nút giao bằng đường sắt:
- Dịch chuyển vị trí tim giao hiện tại lý trình Km 14 + 322.16 về lý trình Km 14+351.25 L=29.09m, góc giao giữa đường sắt và đường bộ là 90000’00”.
- Thiết kế xử lý trắc dọc trong phạm vi từ Km14+125 đến Km14+625, L=500m. Làm nền đá lòng đường trong phạm vi thiết kế trắc dọc, tỷ lệ đá ba lát hiện tại tận dụng lại 50% còn lại bổ sung đá ba lát mới đảm bảo chất lượng theo đúng quy định.
- Thi công hệ thống thoát nước mưa:
- Hệ thống thoát nước mưa dọc tuyến bố trí tuân thủ theo bản vẽ giới thiệu hệ thống hạ tầng kỹ thuật do Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội cấp và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.
- Thoát nước ngang đường: Bố trí các cống thoát nước ngang đường, các vị trí cửa xả theo quy hoạch, gồm các cống tròn, cống hộp có khẩu độ D = 1,0 m; D = 1,25 m; D = 1,5 m;

B x H = (1,0 x 1,0) m; B x H = (1,5 x 1,5) m; B x H = (2,0 x 2,0) m; B x H = (2,5 x 2,5) m; B x H = (3,0 x 3,0) m; B x H = (3,0 x 2,0) m.

- Hoàn trả kênh mương thủy lợi theo thỏa thuận với Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Hà Nội và địa phương gồm các mương bê tông cốt thép B = 0,6 m, cống hộp bê tông cốt thép khẩu độ B x H = (0,6 x 0,8) m; B x H = (0,8 x 0,8) m; B x H = (1,0 x 1,0) m; B x H = (2,0 x 2,0) m; B x H = (2,5 x 2,0) m và các mương đất có kích thước theo kích thước mương hiện trạng.
- Thi công hệ thống thoát nước thải: Thi công hệ thống thoát nước thải dọc tuyến khẩu độ D800.
- Thi công hệ thống hào kỹ thuật:
- Hệ thống hào kỹ thuật đặt đặt hai bên vỉa hè có kích thước là B x H = (1,4 x 1,5) m. Hào kỹ thuật được xây dựng bằng BTCT hào đúc sẵn, mối nối hào được đổ bê tông tại hiện trường. Hào có cấu tạo nắp mở được để thuận tiện cho công tác lắp đặt cũng như duy tu bảo dưỡng hệ thống đối tượng ngầm. Dọc tuyến hào bố trí các ga kỹ thuật với khoảng cách tối đa 100 m/ga.
- Đối với các đoạn tuyến qua đường, các vị trí giao cắt với cống và các công trình ngầm khác, bố trí hệ thống cống bể kỹ thuật để thuận tiện cho công tác thi công. Cống cáp bằng HDPE, gồm các ống phục vụ thông tin, viễn thông và các cống phục vụ đặt các đường dây điện hạ thế, trung thế. Số lượng 20 ống HDPE D110/90 và 8 ống HDPE D130/100.
- Trồng cây xanh : Trồng cây bóng mát trên hè (Cây Sang, bàng Đài Loan) với khoảng cách (8 - 15) m/cây. Kích thước ô trồng cây tối thiểu (1,2 x 1,2) m; bó bồn cây bằng bê tông xi măng 22,5 MPa.
- Thi công hệ thống điện chiếu sáng:
- Thiết kế chiếu sáng cho các đường nhánh có chiều rộng Bm = (6-7,25) m, Bm = (8,5 - 9) m: Bố trí cột chiếu sáng một bên trên lề đường, sử dụng cột thép rời cần cao 8 m + cần cao 2 m vươn 1,5 m; Đèn LED bán rộng 120 W, khoảng cách cột trung bình 32m/cột., Đối với các đường nhánh có Bm = 12,75 m: Bố trí cột chiếu sáng một bên trên lề đường, sử dụng cột thép rời cần cao 11 m + cần cao 2m vươn 1,5m; Đèn LED bán rộng 180 W, khoảng cách cột trung bình 35 m/cột.
- Thi công hệ thống ATGT: Thiết kế vạch sơn, biển báo, biển chỉ dẫn, hệ thống đảm bảo an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT và Tiêu chuẩn quốc gia về trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ TCVN 12681:2019

* Chi tiết theo thiết kế bản vẽ thi công được duyệt.

2. Thời gian thực hiện gói thầu: 16 tháng

3. Giá gói thầu: Khối lượng và Dự toán (Giá) gói thầu đang được lập tương ứng mức thuế VAT là 10%. Để có căn cứ đưa về một mặt bằng đánh giá về tài chính, nhà thầu phải lập giá dự thầu chào cụ thể mức thuế VAT. Tại thời điểm thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ xác định giá trị khối lượng xây dựng hoàn thành tương ứng với mức thuế VAT tại thời điểm nghiệm thu, thanh toán.

Trong đó:

- Dự phòng khối lượng: 5,00%

- Dự phòng trượt giá: 8,95%

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Thời gian thi công tính theo ngày dương lịch (kể cả ngày làm việc và các ngày nghỉ lễ). Nhà thầu tự xây dựng tiến độ cho mình bao gồm: Tổng tiến độ thi công cả công trình, tiến độ thi công từng hạng mục công trình.

Thời gian thi công tính từ ngày khởi công theo yêu cầu của chủ đầu tư cho đến ngày hoàn thành, nghiệm thu công trình bàn giao đưa vào sử dụng (ghi rõ tổng số ngày thi công). Tài liệu và tiến độ thực hiện hợp đồng bao gồm: biểu tiến độ thi công, tiến độ thi công chi tiết, thuyết minh các điều kiện đảm bảo tiến độ thi công; biện pháp bảo đảm tiến độ phù hợp với giải pháp kỹ thuật, biện pháp kỹ thuật thi công đề xuất thực hiện gói thầu;

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

Các quy trình, quy phạm áp dụng cho thi công, nghiệm thu công trình là tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành hiện hành. Các giải pháp công nghệ do nhà thầu chọn và lập nhưng phải đảm bảo giải pháp thi công là hợp lý, tuân thủ các quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

1) Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử);

a) Yêu cầu chung:

Tất cả vật tư, thiết bị được cung cấp theo hợp đồng phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Nhà thầu phải nêu rõ ký hiệu, mã hiệu, nhãn mác (nếu có) và xuất xứ của vật tư, thiết bị chính. Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp bằng chứng về xuất xứ của vật tư, thiết bị. Đối với các vật tư, thiết bị khác, nhà thầu phải nêu rõ xuất xứ trong quá trình thực hiện hợp đồng; Vật tư, thiết bị phải đảm bảo chất lượng, quy cách, chủng loại theo đúng yêu cầu của thiết kế được duyệt, khuyến khích các nhà thầu sử dụng các loại vật liệu tốt hơn yêu cầu của thiết kế để đưa vào công trình. Nhà thầu phải sử dụng các loại vật tư của các nhà sản xuất có giấy phép sản xuất, có chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có đầy đủ các chứng chỉ đảm bảo tiêu chuẩn do cơ quan có chức năng của Việt Nam cấp, sản phẩm đạt chất lượng cao được thừa nhận trên thị trường; Không được sử dụng các loại sản phẩm có chất lượng không ổn định, công nghệ sản xuất lạc hậu hoặc các sản phẩm không có nguồn gốc xuất xứ rõ rang…

Vật tư, vật liệu trước khi đưa vào công trình phải được sự đồng ý, phê duyệt của Chủ đầu tư bằng văn bản. Trường hợp có sự thay đổi quy cách, chủng loại, xuất xứ vật tư, thiết bị thì phải được sự đồng ý của Chủ đầu tư mới được thực hiện. Sau khi được phép thay đổi thì bên B phải thử mẫu tại một đơn vị kiểm định có pháp nhân, có năng lực và được Chủ đầu tư chấp thuận. Đưa kết quả thử mẫu làm cơ sở xem xét kết luận, chi phí do Nhà thầu chi trả.

Trường hợp các đề xuất vật tư không đáp ứng thì Chủ đầu tư có quyền chỉ định các loại vật tư, vật liệu, thiết bị và nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện theo đúng yêu cầu.

b) Yêu cầu cụ thể về đặc tính, thông số kỹ thuật, chủng loại một số loại vật tư, thiết bị chủ yếu sử dụng cho gói thầu:

b.1) Yêu cầu kỹ thuật đối với vật tư sử dụng cho công trình:

Nhà thầu phải có bảng cam kết các vật tư, vật liệu sử dụng cho công trình đáp ứng tối thiểu các thông số về kỹ thuật như sau:

STT	Loại vật tư, vật liệu	Quy cách và yêu cầu kỹ thuật	Nguồn gốc xuất xứ
1	Thép các loại	Cơ tính và quy cách tuân thủ theo hồ sơ thiết kế và đáp ứng TCVN hiện hành; tiêu chuẩn theo chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất.	Nhà thầu nêu rõ: Nhãn hiệu; Nguồn gốc xuất xứ, Mã hiệu sản phẩm (nếu có) và Các tài liệu khác (nếu có)
2	Xi măng	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế và đáp ứng TCVN hiện hành;	Nhà thầu nêu rõ: Nhãn hiệu; Nguồn gốc xuất xứ, Mã hiệu sản phẩm (nếu có) và Các tài liệu khác (nếu có)
3	Vật liệu rời: Cát, đá, cấp phối đá dăm, đá hộc	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế và đáp ứng TCVN hiện hành;	Nhà thầu nêu rõ: Nhãn hiệu; Nguồn gốc xuất xứ, Mã hiệu sản phẩm (nếu có) và Các tài liệu khác (nếu có)
4	Gạch bê tông, Gạch không nung, Gạch block	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế và đáp ứng TCVN hiện hành;	Nhà thầu nêu rõ: Nhãn hiệu; Nguồn gốc xuất xứ, Mã hiệu sản phẩm (nếu có) và Các tài liệu khác (nếu có)
5	Bê tông nhựa, nhựa đường	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế và đáp ứng TCVN hiện hành;	Nhà thầu nêu rõ: Nhãn hiệu; Nguồn gốc xuất xứ, Mã hiệu sản phẩm (nếu có) và Các tài liệu khác (nếu có)
6	Vải địa kỹ thuật	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế và đáp ứng TCVN hiện hành;	Nhà thầu nêu rõ: Nhãn hiệu; Nguồn gốc xuất xứ, Mã hiệu sản phẩm (nếu có) và Các tài liệu khác (nếu có)
7	Tấm đan bê tông, bó gốc cây giả đá, bó vỉa giả đá	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế và đáp ứng TCVN hiện hành;	Nhà thầu nêu rõ: Nhãn hiệu; Nguồn gốc xuất xứ, Mã hiệu sản phẩm (nếu có) và Các tài liệu khác (nếu có)
8	Vật tư điện: Cáp điện, dây điện, ống nhựa gân xoắn HDPE, cột đèn, tủ điện, cọc tiếp địa	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế và đáp ứng TCVN hiện hành;	Nhà thầu nêu rõ: Nhãn hiệu; Nguồn gốc xuất xứ, Mã hiệu sản phẩm (nếu có) và Các tài liệu khác (nếu có)
9	Ống cống BTCT, cống hộp BTCT	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế và đáp ứng TCVN hiện hành;	Nhà thầu nêu rõ: Nhãn hiệu; Nguồn gốc xuất xứ, Mã hiệu sản

STT	Loại vật tư, vật liệu	Quy cách và yêu cầu kỹ thuật	Nguồn gốc xuất xứ
			phẩm (nếu có) và Các tài liệu khác (nếu có)
10	Bộ lưới chắn rác gang, Bộ nắp ga gang, Nắp composite	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế và đáp ứng TCVN hiện hành;	Nhà thầu nêu rõ: Nhãn hiệu; Nguồn gốc xuất xứ, Mã hiệu sản phẩm (nếu có) và Các tài liệu khác (nếu có)
11	Biển báo các loại	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế và đáp ứng TCVN hiện hành;	Nhà thầu nêu rõ: Nhãn hiệu; Nguồn gốc xuất xứ, Mã hiệu sản phẩm (nếu có) và Các tài liệu khác (nếu có)
12	Vật tư nước: ống nhựa PVC, ống nhựa UPVC	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế và đáp ứng TCVN hiện hành;	Nhà thầu nêu rõ: Nhãn hiệu; Nguồn gốc xuất xứ, Mã hiệu sản phẩm (nếu có) và Các tài liệu khác (nếu có)
13	Cọc gỗ, cọc tre	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế và đáp ứng TCVN hiện hành;	Nhà thầu nêu rõ: Nhãn hiệu; Nguồn gốc xuất xứ, Mã hiệu sản phẩm (nếu có) và Các tài liệu khác (nếu có)
14	Bê tông thương phẩm	Tuân thủ theo hồ sơ thiết kế và đáp ứng TCVN hiện hành;	Nhà thầu nêu rõ: Nhãn hiệu; Nguồn gốc xuất xứ, Mã hiệu sản phẩm (nếu có) và Các tài liệu khác (nếu có)

2) Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công:

Đề xuất các quy trình thi công và nghiệm thu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho các công tác chính của gói thầu. Trong nội dung trình bày về thi công và nghiệm thu các công tác chính của gói thầu nhà thầu lưu ý trình bày/thuyết minh về máy móc phục vụ thi công; số lượng, vị trí nhân sự bố trí và các yếu tố cần thiết khác để làm cơ sở đánh giá xem xét tính phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.

- Các hạng mục chính của gói thầu bao gồm:

+ Phần tuyến của các đoạn: KM7+380 - KM7+800; Km7+800 - Km8+550;

+ Phần cây xanh của các đoạn: KM7+380 - KM7+800; Km7+800 - Km8+550;

+ Phần chiếu sáng của các đoạn: KM7+380 - KM7+800; Km7+800 - Km8+550; Nút giao LK53 Km8+550 - Km9+906 + ĐS;

+ Phần nút giao: Phần tuyến + Cây xanh+ Phần đường sắt

+ Đảm bảo ATGT phục vụ thi công; Di chuyển máy, thiết bị thi công đặc chủng đến và ra khỏi công trường)

Nhà thầu có thể tự phân chia và thuyết minh trong đề xuất kỹ thuật.

- Các công tác chính của gói thầu bao gồm:

+ Công tác đào, đắp;

+ Công tác vận chuyển đất đá, phế thải xây dựng;

+ Công tác ván khuôn, cốt thép, bê tông;

+ Công tác xây, trát, lát;

+ Công tác đóng cọc gỗ;

+ Công tác rải vải địa kỹ thuật;

+ Công tác thi công móng cấp phối đá dăm, tưới lớp dính bám, rải thảm mặt đường bê tông nhựa;

+ Công tác thi công bó vỉa, vỉa hè;

+ Công tác trồng và chăm sóc cây xanh;

+ Công tác thi công đảm bảo an toàn giao thông;

+ Công tác lắp đặt biển báo, thi công sơn kẻ đường;

+ Công tác thi công hệ thống thoát nước: thi công lắp đặt ống cống BTCT, cống hộp BTCT, thi công rãnh thoát nước, thi công hố ga các loại;

+ Công tác thi công hào kỹ thuật;

+ Công tác thi công hệ thống chiếu sáng;

+ Công tác xử lý nền đất yếu;

+ Công tác thi công đường sắt: Đường, nhà gác chắn; thông tin tín hiệu;

3) Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

a) Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường: Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh như biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải, nước thải và thu dọn hiện trường; biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến nơi quy định;

Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải chú ý có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường. Nhà thầu phải có cam kết đổ thải đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn của pháp luật về xây dựng; cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra trong trường hợp tổ chức, cá nhân của nhà thầu để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình.

b) Bảo đảm an toàn phòng cháy chữa cháy: Nhà thầu tự lập phương án và tổ chức thi công đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về phòng chống cháy nổ; mọi sự cố xảy ra nhà thầu phải chịu trách nhiệm. Trường hợp có sự cố nhà thầu phải báo cáo kịp thời và phối hợp với các cơ quan chức năng, chủ đầu tư để xác định nguyên nhân và khắc phục hậu quả, các chi phí phát sinh do việc xảy ra do nhà thầu chịu trách nhiệm.

c) Bảo đảm an toàn lao động: Trong quá trình thi công nhà thầu có trách nhiệm bảo đảm an toàn cho công trình, người lao động, thiết bị, phương tiện thi công làm việc việc trên công trường; phải bố trí người có đủ năng lực theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các quy định về an toàn thi công, tạm dừng hoặc dừng thi công khi phát hiện có sự cố gây mất an toàn, vi phạm an toàn. Nhà thầu phải đề xuất và thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy móc thiết bị, tài sản, công trình đang thi công, công trình ngầm và các công trình liền kề; máy, thiết bị, vật tư phục vụ thi công có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm định về an toàn trước khi sử dụng. Biện pháp an toàn phải cụ thể, chi tiết và phù hợp với đề xuất về kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật.

Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường (nhà thầu đề xuất) phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn.

Nhà thầu có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì nhà thầu có trách nhiệm phải bố trí người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động;

Nhà thầu có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động.

Khi có sự cố về an toàn lao động, nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật, đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

4) Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

+ Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm bảo hành công trình do mình thi công. Nhà thầu cung ứng thiết bị có trách nhiệm bảo hành thiết bị do mình cung cấp. Nội dung bảo hành bao gồm tối thiểu việc khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết do lỗi của nhà thầu gây ra.

+ Thời gian bảo hành công trình, thiết bị công trình tối thiểu là 24 tháng tính từ thời điểm được Chủ đầu tư nghiệm thu. Thời gian bảo hành thiết bị (nếu có) không ngắn hơn thời gian bảo hành quy định của nhà sản xuất và được tính kể từ khi nghiệm thu hoàn thành công tác lắp đặt, vận hành thiết bị.

+ Biện pháp, hình thức bảo hành: bằng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoặc hình thức khác trong trường hợp được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản;

+ Giá trị bảo hành công trình: Tối thiểu là 5% giá trị hợp đồng hoặc giá trị khác nhưng phải được chủ đầu tư chấp thuận;

+ Việc lưu giữ, sử dụng, hoàn trả tiền bảo hành, tài sản đảm bảo, bảo lãnh bảo hành hoặc các hình thức bảo lãnh khác có giá trị tương đương: Cụ thể trong quá trình thương thảo hợp đồng;

Các nhà thầu chỉ được hoàn trả tiền bảo hành, tài sản bảo đảm, bảo lãnh bảo hành hoặc các hình thức bảo lãnh khác sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được Chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành trách nhiệm bảo hành.

5) Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát;

a) Kiểm tra chất lượng các hạng mục:

Việc kiểm tra chất lượng các hạng mục công trình được thể hiện trong hợp đồng và phải tuân thủ theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và các Nghị định sửa đổi, bổ sung/thay thế (nếu có).

Việc kiểm tra chất lượng công trình được tiến hành khi Nhà thầu thông báo đề nghị nghiệm thu các phần công việc để chuyển tiếp giai đoạn thi công hoặc kết thúc công tác xây lắp của hạng mục công trình, hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư khi trong quá trình thi công giám sát kỹ thuật thi công thấy không đảm bảo và tin cậy về mặt kỹ thuật.

Nhà thầu chịu trách nhiệm hoàn toàn về chất lượng sản phẩm mình đã thi công và có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các số liệu thí nghiệm, chứng chỉ vật liệu, bán thành phẩm cấu thành hạng mục công trình trước khi chuyển giai đoạn thi công bằng văn bản có xác nhận của cơ quan có tư cách pháp nhân. Các số liệu trên là một trong các căn cứ để nghiệm thu công trình.

Nhà thầu phải thực hiện bất kỳ những việc kiểm tra và thí nghiệm cần thiết khác dưới sự chỉ đạo của Chủ đầu tư khi xem xét thấy cần thiết để bảo bảo chất luợng công trình.

Khi kiểm tra chất lượng công trình, nếu kết quả không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật thì Nhà thầu phải sữa chữa hoặc tháo dỡ làm lại sản phẩm đó bằng chính kinh phí của mình. Đồng thời phải có chứng chỉ chất lượng công trình của các công việc sữa chữa, làm lại đó.

b) Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình

Các quy trình, quy phạm áp dụng cho thi công, nghiệm thu công trình là tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành hiện hành. Áp dụng các tiêu chuẩn nước ngoài khi không có tiêu chuẩn Việt Nam tương ứng hoặc tiêu chuẩn nước ngoài đã được Chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước cho phép sử dụng.

Các giải pháp công nghệ do nhà thầu chọn và lập nhưng phải đảm bảo giải pháp thi công là hợp lý, tuân thủ các quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

c) Trao đổi công việc:

Mọi kiến nghị, yêu cầu của Nhà thầu liên quan đến xây lắp công trình đối với Chủ đầu tư đều phải thực hiện bằng văn bản và phải lưu trữ trong hồ sơ.

Các quyết định giải quyết các kiến nghị, yêu cầu của Nhà thầu, các quyết định chỉ đạo của Chủ đầu tư hoặc người được ủy quyền giải quyết cũng phải bằng văn bản.

Chỉ có Chủ đầu tư hoặc người được ủy quyền (bằng văn bản) mới có quyền đưa ra các chỉ thị, quyết định đối với Nhà thầu.

d) Các mốc thi công:

Sau khi nhận bàn giao mặt bằng thi công, mốc cao độ, tọa độ ranh giới tại công trường, Nhà thầu có trách nhiệm bảo quản mặt bằng thi công, mốc cao độ, tọa độ ranh giới trong suốt quá trình thi công, đồng thời phải xây dụng mốc phụ để khi cần thiết sẽ khôi phục lại.

6) Các yêu cầu khác:

a. Yêu cầu về thiết bị thi công:

- Máy móc, thiết bị đưa vào thi công công trình đảm bảo có công suất và tính năng phù hợp, chất lượng còn tốt, có kiểm định theo quy định, đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường;

- Máy móc, thiết bị thi công đưa vào công trường nhà thầu phải có biện pháp đảm bảo vận hành tốt và an toàn.

b. Tài liệu chứng minh kinh nghiệm:

b.1) Đối toàn bộ nhân sự nhà thầu đề xuất theo yêu cầu tại Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt, Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT, Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu theo Mẫu số 06B và Mẫu số 06C (Webform trên Hệ thống) và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan; Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình/hạng mục công trình, Xác nhận của Chủ đầu tư về chức danh đảm nhận trong các công trình tương tự và Quyết định phê duyệt dự án (hoặc các tài liệu khác chứng minh loại và cấp công trình) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

b.2) Đối với tài liệu chứng minh khả năng huy động thiết bị thi công, Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu theo Mẫu số 06D (Webform trên Hệ thống) và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản sao hóa đơn hoặc giấy đăng ký và bản sao đăng kiểm hoặc kiểm định còn hiệu lực (đối với các thiết bị có quy định về kiểm định. Đối với các thiết bị đi thuê, ngoài các tài liệu nêu trên, nhà thầu cung cấp hợp đồng nguyên tắc thuê máy) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

IV. Các bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ thiết kế là tệp tin PDF được đính kèm trên Hệ thống.